

TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ HƯỚNG VỀ XUẤT KHẨU CỦA VIỆT NAM: MỘT PHÂN TÍCH THỰC NGHIỆM

Nguyễn Thị Thu Thủy*, Hoàng Đức Thân**

Ngày nhận: 9//012015

Ngày nhận bản sửa: 9/02/2015

Ngày duyệt đăng: 21/02/2015

Tóm tắt:

Sử dụng dữ liệu theo quý và phương pháp phân tích chuỗi thời gian, bài viết này nghiên cứu ảnh hưởng động của xuất khẩu hàng hóa tới tăng trưởng kinh tế Việt Nam giai đoạn 2000-2012. Kết quả ước lượng cho thấy tăng cường xuất khẩu nói chung có ảnh hưởng tích cực tới tăng trưởng kinh tế trong ngắn hạn và dài hạn. Tuy nhiên, các thuộc tính phản ánh chất lượng cơ cấu hàng hóa xuất khẩu có ảnh hưởng khác biệt, khá đa dạng và đan xen tới tăng trưởng kinh tế. Nghiên cứu cũng đưa ra một số luận giải cho kết quả ước lượng, cũng như hàm ý trong việc lựa chọn và thực thi chính sách xuất khẩu ở Việt Nam nhằm hướng tới tăng trưởng kinh tế chất lượng, hiệu quả và bền vững trong thời gian tới.

Từ khóa: Đa dạng hóa, xuất khẩu, tăng trưởng kinh tế, Việt Nam

Export-led growth in Vietnam: An empirical analysis

Abstract

This article attempts to examine the dynamic impacts of goods export and export characteristics on Vietnam economic growth over the period 2000-2012 by employing modern time series methods and quarterly data. The estimation results show that export expansion, represented by export share in GDP, was a crucial element in boosting economic growth in Vietnam. However, export composition, export diversification and export instability had different, relatively diversified and intertwined impacts on economic growth. Based on the estimation results, the study offers a number of explanations and some brief policy implications in selecting and implementing export policies in Vietnam to improve economic growth in terms of quality, efficiency and stability in the years to come.

Keywords: Diversification, economic growth, exports, Vietnam

1. Giới thiệu nghiên cứu

Xuất khẩu, đã từ lâu, được coi là một trong những động lực quan trọng của tăng trưởng kinh tế, dựa trên lập luận về những ảnh hưởng tích cực của xuất khẩu tới tăng trưởng kinh tế qua các kênh chủ yếu như: (1) Tăng việc làm, đặc biệt với những nước thặng dư lao động; (2) Tài trợ ngoại hối cho nhập khẩu hàng hóa vốn và hàng hóa trung gian; (3) Phân bổ nguồn lực tối ưu theo lợi thế so sánh; (4) Tăng năng lực, hiệu

quả của doanh nghiệp xuất khẩu; (5) Khai thác lợi thế nhờ quy mô và (6) Những ảnh hưởng lan tỏa. Trên thực tế, nhiều quốc gia đã thành công với chiến lược tăng trưởng kinh tế hướng về xuất khẩu như Thái Lan, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản vẫn được thế giới ca ngợi là “đột phá”, “thần kỳ”, nhưng cũng có những trường hợp không mấy thành công như các quốc gia Nam Á, Mỹ La Tinh cho thấy chiến lược tăng trưởng hướng về xuất khẩu thành công phải gắn với những điều kiện nhất định.

Những năm gần đây, nghiên cứu về mối quan hệ giữa xuất khẩu với tăng trưởng kinh tế đưa đến những kết luận không ít mâu thuẫn. Trong khi rất nhiều nghiên cứu khẳng định vai trò động lực của xuất khẩu với tăng trưởng kinh tế, thì cũng không ít nghiên cứu không chứng minh được tác động, hoặc cho thấy tác động không đáng kể, thậm chí tác động tiêu cực của xuất khẩu tới tăng trưởng kinh tế (Kaur and Sidhu, 2011), khiến cho chủ đề này, cho tới nay, vẫn còn mang tính thời sự, đồng thời, khuyến khích các nghiên cứu đi tìm lời giải đáp cho vấn đề: Nhân tố nào quyết định sự thành công của chiến lược này? Một trong những lập luận được ủng hộ cả từ góc độ lý luận và thực tiễn, đó là: Tăng trưởng kinh tế hướng về xuất khẩu của các quốc gia thành công hay không, thành công ở mức độ nào không chỉ phụ thuộc vào quy mô xuất khẩu, mà quan trọng hơn, phụ thuộc vào chất lượng xuất khẩu, trong đó đặc biệt nhấn mạnh vai trò của cơ cấu hàng hóa xuất khẩu của quốc gia đó.

Với Việt Nam, cùng với đà hội nhập sâu rộng và toàn diện vào nền kinh tế khu vực và thế giới, xuất khẩu nói chung, xuất khẩu hàng hóa nói riêng luôn được coi là một trong những “trụ cột” của công cuộc cải cách toàn diện và phát triển kinh tế của Việt Nam. Với vai trò đó, xuất khẩu hàng hóa đã đạt được những thành tích khá ngoạn mục về quy mô và tốc độ tăng trưởng. Nếu năm 1986, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa chỉ đạt dưới 1 tỷ USD thì năm 2012 kim ngạch xuất khẩu đạt 114,6 tỷ USD, năm 2013 đạt 132,2 tỷ USD và năm 2014 đạt trên 150 tỷ USD, với tốc độ tăng trưởng hàng năm khá cao so với khu vực và thế giới. Có thể nói, sau gần 3 thập kỷ tiến hành đổi mới, xuất khẩu đã là nhân tố quan trọng góp phần xây dựng những tiền đề cần thiết cho công nghiệp hóa và hiện đại hóa, nâng cao mức sống của người dân và đưa Việt Nam gia nhập hàng ngũ các nước có thu nhập trung bình.

Tuy nhiên, đằng sau những gam màu sáng về thành tích xuất khẩu, cơ cấu hàng hóa xuất khẩu vẫn còn nhiều bất cập đáng quan ngại dưới góc nhìn về chất lượng, hiệu quả và tính bền vững. Xuất khẩu hàng hóa thô và sơ chế, hàng hóa thâm dụng tài nguyên, khoáng sản còn chiếm tỷ trọng cao trong giỏ hàng hóa xuất khẩu, hàng chế biến mới chủ yếu là hàng thâm dụng lao động, tập trung vào khâu gia công vốn mang giá trị gia tăng thấp nhất trong chuỗi giá trị. Xuất khẩu nhiều loại hàng hóa tiềm ẩn những nguy cơ cao về ô nhiễm môi trường, làm giảm đa

dạng sinh học và cạn kiệt tài nguyên. Vì vậy, những ảnh hưởng động, là kênh tác động quan trọng và dài hạn của xuất khẩu tới tăng trưởng kinh tế, có thể chưa được như kỳ vọng.

Đã có khá nhiều nghiên cứu về mối quan hệ giữa xuất khẩu với tăng trưởng kinh tế của Việt Nam, nhưng thường chủ yếu ở khía cạnh định tính. Đáng chú ý, một số phân tích định lượng như nghiên cứu của Phan Minh Ngọc và cộng sự (2003), nghiên cứu của Phạm Mai Anh (2008) lại cho kết quả khá bất ngờ rằng, không có bằng chứng kinh tế lượng chắc chắn về ảnh hưởng động, tích cực và đáng kể của xuất khẩu đến các khu vực khác của nền kinh tế, hoặc không có bằng chứng rõ ràng về sự tác động của xuất khẩu tới năng suất, hàm ý để hướng tới tăng trưởng kinh tế cao và bền vững, Việt Nam không nhất thiết phải huy động mọi nỗ lực để tăng cường xuất khẩu, mà thay vào đó, nên có sự chuyển đổi theo hướng chất lượng và hiệu quả hơn. Như vậy, chiến lược tăng trưởng kinh tế hướng về xuất khẩu ở Việt Nam cần phải được nghiên cứu sâu hơn về bản chất, hơn là chỉ xem xét bề ngoài, đề cao thành tích qua những con số ấn tượng về quy mô và tốc độ tăng trưởng xuất khẩu.

Bài viết này nhằm ước lượng ảnh hưởng động (dynamic effects) của xuất khẩu hàng hóa, cả ở khía cạnh lượng (xuất khẩu ở mức tổng) và chất (chất lượng cơ cấu hàng hóa xuất khẩu) tới tăng trưởng kinh tế Việt Nam, từ đó đưa ra một số luận giải, cũng như hàm ý trong việc lựa chọn và thực thi chính sách xuất khẩu ở Việt Nam nhằm hướng tới tăng trưởng kinh tế chất lượng, hiệu quả và bền vững trong thời gian tới.

2. Mô hình nghiên cứu

Mô hình nghiên cứu được xây dựng dựa trên hàm sản xuất Cobb-Douglas mở rộng. Các biến được đưa vào mô hình trên cơ sở tổng kết một số lý thuyết, nghiên cứu thực nghiệm về tác động của xuất khẩu hàng hóa tới tăng trưởng kinh tế và có sự điều chỉnh nhất định cho phù hợp với điều kiện thực tiễn tại Việt Nam.

2.1. Nguồn dữ liệu

Dữ liệu phục vụ nghiên cứu được thu thập từ nguồn Tổng cục Thống kê với tần suất theo quý, từ quý 1 năm 2000 đến quý 4 năm 2012. Trong đó, thống kê các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu được sử dụng để tính toán các chỉ số trước khi đưa vào mô hình ước lượng.

2.2. Các biến số

Ngoài các biến Tăng trưởng kinh tế (g), lao động (gl), vốn vật chất (K) lần lượt được đại diện bởi tốc độ tăng trưởng GDP, tốc độ tăng trưởng lao động và tỷ lệ đầu tư/GDP, các biến phản ánh các đặc trưng của xuất khẩu được xác định như sau:

Xuất khẩu ở mức tổng (EX): Sử dụng tỷ lệ xuất khẩu/GDP làm đại diện nhằm phản ánh tác động của xuất khẩu về mặt lượng tới tăng trưởng kinh tế. Cách xác định này được sử dụng trong nghiên cứu của Richard (2001), Phan Minh Ngọc và cộng sự (2003).

Biến số phản ánh ảnh hưởng của các nhóm hàng xuất khẩu, gồm có:

EX1: Tỷ lệ kim ngạch xuất khẩu hàng thô và sơ chế/GDP

EX2: Tỷ lệ kim ngạch xuất khẩu hàng chế biến thâm dụng lao động/GDP

EX3: Tỷ lệ kim ngạch xuất khẩu hàng chế biến thâm dụng kỹ năng/GDP

Nghiên cứu kế thừa cách phân loại của Mayer và Wood (2001) để sắp xếp các mặt hàng vào các nhóm hàng thô và sơ chế, hàng thâm dụng lao động, hàng thâm dụng kỹ năng. Sử dụng tỷ lệ xuất khẩu của các nhóm hàng/GDP làm đại diện vừa phản ánh được tầm quan trọng của các nhóm trong giỏ hàng hóa xuất khẩu, vừa thể hiện được tầm quan trọng của các nhóm này với tổng sản lượng của nền kinh tế.

Mức độ đa dạng hóa của giỏ hàng hóa xuất khẩu: được đánh giá qua hai thước đo được sử dụng rộng rãi hiện nay là chỉ số Herfindahl và chỉ số Theil Entropy.

Chỉ số Herfindahl (HI) được xác định theo công thức:

$$HI_t = \sum_{i=1}^n S_{it}^2$$

Trong đó: S_{it} là tỷ trọng các nhóm hàng trong tổng cơ cấu hàng hóa xuất khẩu, n là số nhóm hàng xuất khẩu. HI dao động trong khoảng từ 0 đến 1 và càng gần 1 thì cơ cấu hàng hóa xuất khẩu càng có mức độ chuyên môn hóa cao, đồng nghĩa với mức đa dạng hóa thấp. Chỉ số Herfindahl được sử dụng trong các nghiên cứu gần đây của Mansor và Amin (2003), Lim và Saborowski (2011).

Chỉ số Theil Entropy (T): được tính toán theo

cách xác định của Taylor và Francis (2003), Lim và Saborowski (2011).

$$T = \sum_{i=1}^n S_i \ln \left(\frac{1}{S_i} \right)$$

Chỉ số Theil Entropy biến động từ 0 đến $\ln(n)$, T càng cao đồng nghĩa với giỏ hàng hóa xuất khẩu có mức độ đa dạng hóa cao, tức là mức độ chuyên môn hóa thấp.

Ưu điểm của chỉ số Theil là có thể tách ảnh hưởng của đa dạng hóa giữa các nhóm hàng T_b (đa dạng hóa theo chiều sâu) và đa dạng hóa trong nội bộ nhóm hàng T_w (đa dạng hóa theo chiều rộng). Theo đó, T có thể được viết lại như sau:

$$T = \sum_{k=1}^k S_k \sum_{i \in k} \left(\frac{S_i}{S_k} \right) \ln \left(\frac{S_k}{S_i} \right) + \sum_{k=1}^k S_k \ln \left(\frac{1}{S_k} \right)$$

$$T = T_w + T_b$$

Cũng với cách phân loại hàng hóa theo cách tiếp cận của Mayer và Wood (2001), đa dạng hóa theo chiều rộng trong nghiên cứu được hiểu là mở rộng xuất khẩu diễn ra trong nội bộ các nhóm hàng thô và sơ chế, chế biến thâm dụng lao động và chế biến thâm dụng kỹ năng, còn đa dạng hóa theo chiều sâu hàm ý về sự chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu từ hàng hóa thô và sơ chế sang hàng hóa chế biến thâm dụng lao động và hàng chế biến thâm dụng kỹ năng.

Mức độ ổn định của cơ cấu hàng hóa xuất khẩu (CXS): xác định theo nghiên cứu của Mansor và Amin (2003), nhằm đánh giá mức độ thích ứng của xuất khẩu hàng hóa, trong mối quan hệ với tăng trưởng kinh tế, trước các cú sốc trong và ngoài nước.

$$CXS_t = \sum_{i=1}^n \min(s_{it}, s_{it-1})$$

Biến giả phản ánh sự thay đổi cấu trúc tác động, gồm:

Biến giả D07: là biến định tính, nhận giá trị bằng 0 nếu quan sát nằm trong giai đoạn 2000-2006 và nhận giá trị bằng 1 nếu quan sát nằm trong giai đoạn 2007-2012, để đánh giá liệu có sự khác biệt về tăng trưởng kinh tế giữa các giai đoạn trước và từ khi Việt Nam trở thành thành viên của WTO hay không.

Biến giả D07EX: là biến tương tác giữa xuất khẩu và biến giả D07, đánh giá sự thay đổi về cấu trúc trong tác động xuất khẩu hàng hóa tới tăng trưởng

kinh tế, hàm ý liệu có sự khác biệt về tác động của xuất khẩu hàng hóa tới tăng trưởng kinh tế giữa hai giai đoạn kể trên hay không.

Như vậy, có năm nhóm biến số phản ánh tác động của xuất khẩu hàng hóa tới tăng trưởng kinh tế: (1) Xuất khẩu hàng hóa ở mức tổng (EX); (2) Xuất khẩu theo các nhóm hàng (EX1, EX2, EX3); (3) Mức độ đa dạng hóa (HI, T, TB, TW); (4) Mức độ ổn định của xuất khẩu (CXS); (5) Biến số thể hiện sự thay đổi về cấu trúc trong tác động (D07EX).

2.3. Phương pháp phân tích

Phân tích được thực hiện theo hai bước sau: (1) Kiểm tra tính nhân quả giữa các cặp biến tăng trưởng-xuất khẩu; (2) Ước lượng tác động trong các mô hình hồi quy.

2.3.1. Kiểm định mối quan hệ nhân quả giữa các biến

Quan hệ giữa xuất khẩu và tăng trưởng kinh tế có thể là nhân quả một chiều hoặc hai chiều nên trước khi ước lượng, nghiên cứu thực hiện các kiểm định nhân quả với lần lượt các cặp biến tăng trưởng-xuất khẩu. Kiểm định nhân quả Granger được thực hiện trong các phương trình có dạng:

$$G_t = a + \sum_{i=1}^m \alpha_i G_{t-i} + \sum_{i=1}^n \beta_i X_{t-i} + \mu_t$$

$$X_t = b + \sum_{i=1}^k \gamma_i G_{t-i} + \sum_{i=1}^l \lambda_i X_{t-i} + \mu_t$$

Trong đó G_t là tốc độ tăng trưởng kinh tế và X_t đại diện cho xuất khẩu, lần lượt được thay thế bằng các biến thể hiện các đặc trưng của xuất khẩu.

2.3.2. Các phương trình hồi quy

Các phương trình hồi quy thực nghiệm được xây dựng dựa trên hàm sản xuất Cobb-Douglas mở rộng với tiến bộ công nghệ theo trung lập Hicks, nội sinh và lợi suất không đổi theo quy mô:

$$Y_t = A_t K_t^\alpha L_t^\beta$$

Trong đó Y_t đại diện tổng sản lượng của nền kinh tế thời kỳ t ; A_t là năng suất nhân tố tổng hợp; K_t , L_t lần lượt là các mức tích lũy vốn và tích lũy lao động; α , β là các hằng số trong khoảng từ 0 đến 1 lần lượt đo lường đóng góp của vốn và lao động vào sản lượng.

Từ đó, A_t có thể được viết lại là một hàm của xuất khẩu và các nhân tố ngoại sinh khác (C_t), được giả định không tương quan với xuất khẩu:

$$A_t = F(EX_t, EX1_t, EX2_t, EX3_t, HI_t, T_t, TB_t, TW_t, CXS_t, C_t)$$

Các biến trong mô hình có tác động trễ, nên nghiên cứu sử dụng mô hình hồi quy động có trễ phân phối để ước lượng, vì mô hình này không chỉ cho biết tác động tức thời của biến giải thích lên biến phụ thuộc, mà còn cho biết tác động tích lũy theo thời gian, bao gồm tác động dài hạn. Các biến trễ của biến phụ thuộc cũng được đưa vào mô hình nhằm đảm bảo độ tin cậy cao hơn so với những mô hình không có biến trễ của biến phụ thuộc, mà vẫn giữ được động thái lâu dài của tăng trưởng kinh tế.

Các phương trình ước lượng cụ thể sau khi đã được tuyến tính hóa như sau:

Phương trình 1: Tác động của xuất khẩu ở mức tổng tới tăng trưởng kinh tế.

$$G_t = \alpha_{1i} + \sum_{i=1}^k \alpha_{2i} G_{t-i} + \sum_{i=0}^k \alpha_{3i} K_{t-i} + \sum_{i=0}^k \alpha_{4i} L_{t-i} + \sum_{i=0}^k \alpha_{5i} EX_{t-i} + \sum_{i=0}^k \alpha_{6i} HI_{t-i} + \sum_{i=0}^k \alpha_{7i} CXS_{t-i} + \alpha_{8i} D07 + \alpha_{9i} D07EX + u_{1i}$$

Phương trình 2: Tác động của xuất khẩu của các nhóm hàng tới tăng trưởng kinh tế.

$$G_t = \beta_{1i} + \sum_{i=1}^k \beta_{2i} G_{t-i} + \sum_{i=0}^k \beta_{3i} K_{t-i} + \sum_{i=0}^k \beta_{4i} L_{t-i} + \sum_{i=0}^k \beta_{5i} EX1_{t-i} + \sum_{i=0}^k \beta_{6i} EX2_{t-i} + \sum_{i=0}^k \beta_{7i} EX3_{t-i} + \sum_{i=0}^k \beta_{8i} HI_{t-i} + \sum_{i=0}^k \beta_{9i} CXS_{t-i} + u_{2i}$$

Phương trình 3: Tác động của đa dạng hóa mặt hàng xuất khẩu sử dụng chỉ số Theil Entropy.

$$G_t = \lambda_{1i} + \sum_{i=1}^k \lambda_{2i} G_{t-i} + \sum_{i=0}^k \lambda_{3i} GK_{t-i} + \sum_{i=0}^k \lambda_{4i} L_{t-i} + \sum_{i=0}^k \lambda_{5i} EX_{t-i} + \sum_{i=0}^k \lambda_{6i} T_{t-i} + \sum_{i=0}^k \lambda_{7i} CXS_{t-i} + u_{3i}$$

Phương trình 4: Tác động của đa dạng hóa trong nội bộ nhóm hàng (theo chiều rộng) và giữa các nhóm hàng (theo chiều sâu) tới tăng trưởng kinh tế.

$$G_t = \omega_{1i} + \sum_{i=1}^k \omega_{2i} G_{t-i} + \sum_{i=0}^k \omega_{3i} K_{t-i} + \sum_{i=0}^k \omega_{4i} L_{t-i} + \sum_{i=0}^k \omega_{5i} EX_{t-i} + \sum_{i=0}^k \omega_{6i} TB_{t-i} + \sum_{i=0}^k \omega_{7i} TW_{t-i} + \sum_{i=0}^k \omega_{8i} CXS_{t-i} + u_{4i}$$

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Kiểm định tính dừng với các chuỗi số liệu

Các chuỗi số liệu được kiểm định tính dừng bằng kiểm định ADF. Độ trễ trong kiểm định ADF được lựa chọn theo chỉ tiêu AIC. Kiểm định ADF với các

Bảng 1: Kết quả kiểm định nhân quả

Các biến	Chi-sq	P-value	Kết luận
DGSA → DEXSA	7,6	0,58	DGSA không tác động nhân quả tới DEXSA
DGSA ← DEXSA	15,4	0,08	DEXSA tác động nhân quả tới DGSA
DGSA → EX1SA	7,3	0,20	DGSA không tác động nhân quả tới DEX1SA
DGSA ← EX1SA	10,5	0,06	DEX1SA tác động nhân quả tới DGSA
DGSA → DEX2SA	1,74	0,62	DGSA không tác động nhân quả tới DEX2SA
DGSA ← DEX2SA	11,0	0,01	DEX2SA tác động nhân quả tới DGSA
DGSA → DEX3SA	6,0	0,87	DGSA không tác động nhân quả tới DEX3SA
DGSA ← DEX3SA	23,6	0,01	DEX3SA tác động nhân quả tới DGSA
DGSA → DHISA	1,6	0,63	DGSA không tác động nhân quả tới DSPESA
DGSA ← DHISA	8,6	0,03	DSPESA tác động nhân quả tới DGSA
DGSA → DTSA	8,4	0,49	DGSA không tác động nhân quả tới DTSA
DGSA ← DTSA	17,7	0,03	DTSA tác động nhân quả tới DGSA
DGSA → DTBSA	5,4	0,70	DGSA không tác động nhân quả tới DTBSA
DGSA ← DTBSA	21,0	0,00	DTBSA tác động nhân quả tới DGSA
DGSA → DTWSA	3,1	0,87	DGSA không tác động nhân quả tới DTWSA
DGSA ← DTWSA	22,2	0,00	DTWSA tác động nhân quả tới DGSA
DGSA → DCXSSA	1,2	0,75	DGSA không tác động nhân quả tới DCXSSA
DGSA ← DCXSSA	12,2	0,01	DCXSSA tác động nhân quả tới DGSA

Nguồn: Tính toán của tác giả

biến cho thấy các chuỗi số đều không dừng (ngoại trừ gl). Các biến không dừng được tiếp tục biến đổi bằng cách lấy sai phân bậc nhất và hiệu chỉnh mùa vụ bằng phương pháp trung bình trượt. Sau khi lấy sai phân các chuỗi đã hiệu chỉnh mùa vụ được các biến:

DGSA, DKSA: tương ứng là sai phân bậc nhất của tăng trưởng kinh tế và của đầu tư/GDP sau khi đã hiệu chỉnh mùa vụ.

DEXSA, DEX1SA, DEX2SA, DEX3SA, DHISA, DTSA, DTBSA, DTWSA, DCXSSA: tương ứng là sai phân bậc nhất của các biến thể hiện các đặc trưng của xuất khẩu sau khi đã hiệu chỉnh mùa vụ.

Thực hiện kiểm định ADF với các chuỗi sau khi biến đổi được kết quả tất cả các chuỗi đều dừng với mức ý nghĩa 1%. Các chuỗi dừng này được đưa vào kiểm định nhân quả và ước lượng trong nhóm mô hình hồi quy.

3.2. Kết quả ước lượng

Kiểm định cho thấy giữa xuất khẩu hàng hóa và

tăng trưởng kinh tế có mối quan hệ nhân quả một chiều, từ phía xuất khẩu tới tăng trưởng kinh tế. Từ đó, các biến được đưa vào phương trình hồi quy, ước lượng theo phương pháp OLS truyền thống. Những tham số không có ý nghĩa thống kê được loại bỏ dần khỏi mô hình. Độ trễ của các biến trong mỗi phương trình phải đủ lớn để đảm bảo sai số không có tự tương quan và không có phương sai thay đổi.

Như vậy, các biến số quyết định đến sự biến động của tăng trưởng kinh tế hiện tại là tăng trưởng kinh tế, tỷ lệ đầu tư/GDP, tỷ lệ xuất khẩu/GDP và các thuộc tính phản ánh chất lượng cơ cấu hàng xuất khẩu trong quá khứ.

Tham số của biến DEXSA > 0 trong các phương trình 1, 3 và 4, nghĩa là tỷ lệ xuất khẩu/GDP tăng thêm có ảnh hưởng tích cực tới tăng trưởng kinh tế. Kết quả này ủng hộ giả thuyết tăng trưởng kinh tế hướng về xuất khẩu, phần nào cho thấy thúc đẩy xuất khẩu trong những năm qua là một trong những động lực của tăng trưởng kinh tế Việt Nam, không chỉ bởi

Bảng 2: Kết quả hồi quy

Phương trình 1			Phương trình 2		
Biến giải thích	Tham số	Giá trị P	Biến giải thích	Tham số	Giá trị P
C	-0,001	0,391	C	-0,001	0,040
DGSA(-2)	0,275	0,016	DGSA(-2)	0,183	0,084
DKSA(-7)	-0,026	0,004	DEX1SA(-3)	-0,012	0,001
DKSA(-8)	-0,034	0,000	DEX2SA(-1)	0,097	0,000
DEXSA(-8)	0,011	0,001	DEX2SA(-6)	-0,053	0,004
DHISA(-7)	-0,046	0,068	DEX2SA(-7)	-0,074	0,000
DHISA(-8)	-0,063	0,029	DEX3SA(-3)	0,122	0,014
DCXSSA(-4)	0,019	0,022	DHISA(-7)	-0,079	0,001
DCXSSA(-6)	0,021	0,017	DHISA(-8)	-0,073	0,006
DCXSSA(-7)	0,025	0,005	DCXSSA(-4)	0,024	0,003
DCXSSA(-8)	0,019	0,037	DCXSSA(-7)	0,036	0,000
R ² hiệu chỉnh = 0.60 Kiểm định tự tương quan (LM): Thống kê F=0,48; Giá trị p-F(4,27)=0,75 Thống kê kiểm định phương sai sai số thay đổi (ARCH): Thống kê F = 1,27; Giá trị p-F(4,33) = 0,30			R ² hiệu chỉnh = 0.68 Kiểm định tự tương quan (LM): Thống kê F=0,67; Giá trị p-F(4,27)=0,62 Thống kê kiểm định phương sai sai số thay đổi (ARCH): Thống kê F = 0,76; Giá trị p-F(4,33) = 0,56		
Phương trình 3			Phương trình 4		
Biến giải thích	Tham số	Giá trị P	Biến giải thích	Tham số	Giá trị P
C	-0,000	0,717	C	-0,000	0,659
DGSA(-2)	0,198	0,065	DGSA(-2)	0,176	0,081
DKSA(-7)	-0,022	0,012	DKSA(-7)	-0,024	0,006
DKSA(-8)	-0,040	0,000	DKSA(-8)	-0,036	0,000
DEXSA(-8)	0,012	0,001	DEXSA(-8)	0,011	0,000
DTSA(-3)	-0,010	0,056	DTWSA(-1)	0,011	0,085
DTSA(-8)	0,013	0,049	DTWSA(-3)	-0,021	0,001
DCXSSA(-4)	0,025	0,004	DTWSA(-7)	0,018	0,045
DCXSSA(-6)	0,020	0,018	DTWSA(-8)	0,031	0,005
DCXSSA(-7)	0,030	0,001	DCXSSA(-4)	0,023	0,004
DCXSSA(-8)	0,024	0,005	DCXSSA(-6)	0,024	0,004
			DCXSSA(-7)	0,028	0,001
			DCXSSA(-8)	0,019	0,022
R ² hiệu chỉnh = 0.61 Kiểm định tự tương quan (LM): Thống kê F=0,08; Giá trị p-F(4,27)=0,99 Thống kê kiểm định phương sai sai số thay đổi (ARCH): Thống kê F = 0,96; Giá trị p-F(4,33) = 0,44			R ² hiệu chỉnh = 0.68 Kiểm định tự tương quan (LM): Thống kê F=0,31; Giá trị p-F(4,27)=0,68 Thống kê kiểm định phương sai sai số thay đổi (ARCH): Thống kê F = 0,11; Giá trị p-F(4,33) = 0,98		

Bảng 3: Tác động của xuất khẩu hàng hóa tới tăng trưởng kinh tế Việt Nam

Nội dung cần kiểm định	Kết quả	
	Tác động tức thời	Tác động dài hạn
Tác động của xuất khẩu hàng hóa ở mức tổng tới tăng trưởng kinh tế	+	+
Tác động của xuất khẩu hàng thô và sơ chế tới tăng trưởng kinh tế	-	-
Tác động của xuất khẩu hàng chế biến thâm dụng lao động tới tăng trưởng kinh tế	+/-	-
Tác động của xuất khẩu hàng chế biến thâm dụng kỹ năng tới tăng trưởng kinh tế	+	+
Tác động của đa dạng hóa mặt hàng xuất khẩu tới tăng trưởng kinh tế	+/-	+
Tác động của đa dạng hóa mặt hàng xuất khẩu theo chiều rộng tới tăng trưởng kinh tế.	+	+
Tác động của đa dạng hóa mặt hàng xuất khẩu theo chiều sâu tới tăng trưởng kinh tế	Chưa tìm thấy bằng chứng về tác động.	
Tác động của mức độ ổn định cơ cấu hàng hóa xuất khẩu tới tăng trưởng kinh tế	+	+
Sự khác biệt về tác động của xuất khẩu tới tăng trưởng kinh tế trước và từ khi Việt Nam gia nhập WTO	Chưa có bằng chứng về sự khác biệt.	

Tổng hợp từ kết quả ước lượng của tác giả

Nguồn: Tổng hợp từ kết quả ước lượng của tác giả

các con số ấn tượng về quy mô xuất khẩu, mà còn vì ảnh hưởng tích cực của xuất khẩu tới khả năng duy trì tăng trưởng kinh tế trong dài hạn. Các thuộc tính phản ánh chất lượng cơ cấu hàng hóa xuất khẩu có tác động khá đa dạng và đan xen, phản ánh một số khía cạnh bản chất về tác động của xuất khẩu hàng hóa tới tăng trưởng kinh tế. Cụ thể như sau:

Các nhóm hàng có ảnh hưởng động rất khác nhau tới tăng trưởng kinh tế, thể hiện ở kết quả ước lượng trong phương trình 2. Ngược lại với ảnh hưởng tiêu cực của nhóm hàng thô và sơ chế, nhóm hàng chế biến thâm dụng kỹ năng có tác động tích cực và với cường độ mạnh nhất tới tăng trưởng kinh tế. Điều đó cho thấy rằng hàng hóa xuất khẩu thâm dụng kỹ năng, những sản phẩm không chỉ là sức lao động đơn thuần mà quan trọng hơn, là kết tinh của yếu tố vốn con người, đã mang lại năng suất, giá trị gia tăng, có ảnh hưởng lan tỏa đáng kể tới phần còn lại của nền kinh tế. Kết quả này cũng phù hợp với nghiên cứu của Mayer và Wood (2001). Mayer và Wood (2001) chỉ ra sự khác biệt rất lớn về tỷ trọng

xuất khẩu hàng hóa thâm dụng kỹ năng trong tổng kim ngạch xuất khẩu là một trong những nguyên nhân dẫn đến sự đối lập giữa sự chậm phát triển, nghèo đói của các nước Nam Á với sự phát triển mạnh mẽ của các nước Đông Á. Đáng chú ý, nhóm hàng chế biến thâm dụng lao động ban đầu có tác động tích cực tới tăng trưởng kinh tế ở độ trễ thứ nhất, nhưng tác động tích cực này dần bị triệt tiêu và trở nên tiêu cực ở độ trễ thứ 6 và 7 khiến cho ảnh hưởng tích lũy (dài hạn) <0. Ảnh hưởng động không như kỳ vọng này của nhóm hàng chế biến thâm dụng lao động có thể giải thích bằng một số lý do như: (1) Một số ngành thâm dụng lao động đòi hỏi vốn đầu tư khá lớn bị ảnh hưởng tiêu cực bởi năng suất cận biên của vốn giảm dần; (2) Khu vực này chủ yếu hấp thu lao động giản đơn, chưa qua đào tạo; (3) Một số mặt hàng thâm dụng lao động đã “commoditized” (Blecker, 2010); (4) Khai thác xuất khẩu từ nhóm hàng này từ năm 2000 chủ yếu theo hướng duy trì và mở rộng danh mục, không có sự đầu tư thêm về chất.

Ảnh hưởng của chuyên môn hóa/đa dạng hóa mặt hàng xuất khẩu tới tăng trưởng kinh tế được thể hiện qua tham số của các biến DHISA, DTSA, DTWSA và DTBSA, theo đó, trong ngắn hạn, gia tăng chuyên môn hóa có thể tác động tích cực, nhưng về dài hạn, đa dạng hóa mặt hàng xuất khẩu mang lại nhiều hiệu ứng tích cực hơn tới tăng trưởng kinh tế. Kết quả này phù hợp với lập luận và bằng chứng thực nghiệm về quan hệ phi tuyến (dạng chữ U) giữa đa dạng hóa xuất khẩu với tăng trưởng kinh tế đã được đưa ra bởi Imbs và Wacziarg (2003). Đối chiếu với quy luật thực nghiệm này, Việt Nam mới chỉ bắt đầu chuyển sang nhóm nước có mức thu nhập trung bình kể từ năm 2010, nên đa dạng hóa mới là xu hướng thực sự có hiệu ứng tích cực hơn tới tăng trưởng kinh tế. Đa dạng hóa giúp ổn định thu nhập từ xuất khẩu, mở rộng phạm vi và giá trị gia tăng của hàng hóa, tạo tiền đề cần thiết cho quá trình tái tập trung vào những mặt hàng có lợi thế so sánh động, có lợi thế so sánh bậc cao và có ảnh hưởng lan tỏa mạnh hơn đến nền kinh tế ở giai đoạn sau, khi thu nhập bình quân đầu người vượt qua “điểm ngoặt” để đạt được mức cao hơn.

Trong hai xu hướng đa dạng hóa mặt hàng xuất khẩu thì đa dạng hóa theo chiều rộng có tác động tích cực tới tăng trưởng kinh tế trong dài hạn, nhưng chưa thấy bằng chứng rõ ràng (tham số của DTBSA=0) tác động của đa dạng hóa theo chiều sâu tới tăng trưởng kinh tế. Điều này phản ánh thực tế rằng, đa dạng hóa theo chiều rộng đã góp phần mở rộng các ngành, lĩnh vực hiện có, kích thích phát triển các ngành nghề mới, lĩnh vực sản xuất mới, các mối quan hệ liên kết trong nền kinh tế, có ảnh hưởng lan tỏa động và tích cực tới toàn bộ nền kinh tế. Trong khi đó, quá trình đa dạng hóa mặt hàng theo chiều sâu chưa thực sự diễn ra đúng nghĩa, chưa đủ độ “sâu” cần thiết nên những hiệu ứng động đối với nền kinh tế còn hạn chế. Kết quả này tương tự với nghiên cứu của Ferreira (2009) với Costa Rica, Lim và Saborowski (2011) cho trường hợp Syria. Đa dạng hóa sang các sản phẩm năng suất thấp, hoặc quá trình này chưa tạo ra năng lực sản xuất mới trong các khu vực khác của nền kinh tế thông qua lan tỏa kiến thức là nguyên nhân dẫn đến kết quả như mong đợi ở hai nước kể trên, phần nào cho thấy đa dạng hóa sản phẩm xuất khẩu, ngoài tầm quan trọng hơn nhất là các sản phẩm “mới”, sản phẩm cần đảm bảo những mức độ biến động ít hơn, ảnh hưởng lan tỏa nhiều hơn và có vị trí cao hơn

trên “phổ chất lượng”.

Ngoài ra, kết quả ước lượng cũng chưa cho thấy bằng chứng rõ ràng về tác động khác biệt của xuất khẩu hàng hóa tới tăng trưởng kinh tế trước và từ khi Việt Nam gia nhập WTO. Tác động chưa được như kỳ vọng này có thể giải thích bằng những lý do khách quan và chủ quan như: suy thoái kinh tế toàn cầu gây ra những hệ lụy nhất định với nền kinh tế còn ở “level” thấp như Việt Nam; khả năng chủ động nắm bắt những cơ hội từ hội nhập; những hạn chế nội tại của xuất khẩu hàng hóa Việt Nam... trong đó các nguyên nhân chủ quan đóng vai trò quyết định.

4. Một số khuyến nghị chính sách

Một là, tiếp tục xu hướng chuyển dịch cơ cấu hàng hóa xuất khẩu theo hướng giảm dần xuất khẩu nhóm hàng thô và sơ chế, gia tăng xuất khẩu nhóm hàng chế biến thâm dụng kỹ năng. Các ngành dựa vào tài nguyên thiên nhiên hoàn toàn có thể trở thành những khu vực thâm dụng kiến thức và kỹ năng, tác động lan tỏa tới toàn bộ nền kinh tế nhờ liên kết các hoạt động thượng nguồn và hạ nguồn của nền kinh tế. Vì vậy, cần thực hiện quan hệ liên kết chặt chẽ giữa khai thác và chế biến, gia tăng làm lượng công nghệ, tri thức, coi trọng năng suất, chất lượng, các ảnh hưởng lan tỏa, đầu tư nâng cao năng lực công nghệ nội sinh trong lĩnh vực xuất khẩu. Sự dịch chuyển này, tuy nhiên, nên có chọn lọc, mang tính kế thừa, vừa đảm bảo xây dựng được các nhóm sản phẩm chiến lược, vừa khai thác được những nhóm hàng truyền thống vốn là thế mạnh của Việt Nam.

Hai là, đa dạng hóa mặt hàng xuất khẩu kết hợp giữa chiều rộng và chiều sâu, nhưng đặc biệt quan tâm đến chiều sâu, đồng thời giải quyết tốt mối quan hệ giữa đa dạng hóa và tập trung hóa xuất khẩu. Đa dạng hóa kết hợp chiều rộng và chiều sâu sẽ là nhân tố quan trọng đảm bảo tăng trưởng bền vững. Bên cạnh đó, chuyên môn hóa và đa dạng hóa cần được nhìn nhận là hai quá trình không mâu thuẫn, mà trái lại, bổ sung cho nhau và cũng cần được xem xét cụ thể với từng mặt hàng, ngành hàng (có mặt hàng, ngành hàng ưu tiên đa dạng hóa và ưu tiên tập trung hóa đối với các mặt hàng, ngành hàng khác). Chính sách đa dạng hóa cần giải quyết các vấn đề: Mục tiêu gì? Mặt hàng nào nên tập trung ưu tiên phát triển? Giai đoạn nào? Đa dạng hóa đồng thời hướng đến chọn lọc những mặt hàng có lợi thế so sánh “động”, lợi thế so sánh bậc cao để tái tập trung hóa trong dài hạn.

Ba là, xuất khẩu hàng hóa gắn với tăng trưởng kinh tế cần đảm bảo khai thác triệt lợi ích từ quá trình tự do hóa thương mại và thực thi các cam kết hội nhập quốc tế, tích cực, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế. Các hiệp định song phương, đa phương, các ưu đãi thương mại cần được tận dụng tối đa trên tinh thần tuân thủ và tôn trọng các quy định quốc tế. Tiếp tục khai thác tối đa làn sóng đầu tư mới từ hiệu ứng gia nhập TPP, FTA... vào các ngành hàng xuất khẩu trọng điểm của Việt Nam, nhất là các ngành chế

biến, chế tạo thâm dụng kỹ năng, các ngành công nghiệp công nghệ cao có cầu quốc tế lớn đối với sản phẩm và có khả năng tăng trưởng xuất khẩu mạnh.

Chất lượng, hiệu quả và bền vững là mục tiêu tối thượng đặt ra với cả xuất khẩu hàng hóa và tăng trưởng kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập. Điều này rất có giá trị trong bối cảnh hiện nay, khi mà hội nhập mang đến nhiều cơ hội nhưng cũng không ít thách thức, động lực tăng trưởng thực sự phải đến từ chính nội lực của nền kinh tế. □

Tài liệu tham khảo

- Blecker, R.A. và Razmi, A. (2009), 'Export-Led-Growth, Real Exchange Rates and the Fallacy of Composition', Handbook of Alternative Theories of Economic Growth, Nhà xuất bản Edward Elgar, Northampton, Massachusetts.
- Ferreira, G.F.C. (2009), *The Expansion and Diversification of the Export Sector and Economic Growth: The Costa Rican Experience*, Dissertation, Louisiana State University.
- Imbs, J. và Wacziarg, R. (2003), 'Stages of Diversification', *American Economic Review*, tập 93, số 1, trang 63-86.
- Lim, J.J. và Saborowski, C. (2011), *Export Diversification in a Transitioning Economy: The Case of Syria*, Policy Research Working Paper 5811.
- Mansor, H.I. và Amin, R.M. (2003), "Export Expansion, Export Structure and Economic Performance in Malaysia", *Asia Pacific Journal of Economics and Business*, tập 7, số 2, trang 89-110.
- Mayer, J. và Wood, A. (2001), 'South Asia's Export Structure in a Comparative Perspective', *Oxford Development Studies*, tập 29, số 1, trang 6-29.
- Phan Minh Ngọc, Nguyen Thi Phuong Anh và Phan Thuy Nga (2003), 'Export and Long-run Growth in Vietnam, 1976-2001', *ASEAN Economic Bulletin*, tập 20, số 3, trang 211-232.
- Pham Mai Anh (2008), "Can Vietnam's Economic Growth be Explained by Investment or Export: A Var Analysis", Working Paper 0815, Vietnam Development Forum.
- Richards, D.G. (2001), 'Exports as a Determinant of Long-Run Growth in Paraguay, 1966-1996', *Journal of Development Studies*, tập 38, số 1, trang 128-146.
- Kaur, R. và Sidhu, A.S. (2011), 'Re-examining Export-Led-Growth Hypothesis: A Review of Literature', *International Journal of Development Research and Quantitative Techniques*, tập 1, số 1, trang 13-23.
- Taylor, T.G. và Francis, B. (2003), 'Agricultural Export Diversification in Latin America and the Caribbean', *Journal of Agricultural and Applied Economics Supplement*, tập 35, trang 77-87.

Thông tin các tác giả:

* **Nguyễn Thị Thu Thủy**, Tiến sỹ

- Tổ chức tác giả công tác: Viện Kinh tế và Quản lý – Đại học Bách khoa Hà Nội

- Lĩnh vực nghiên cứu chính: Kinh tế quốc tế, kinh tế vĩ mô

- Địa chỉ liên hệ: Địa chỉ Email: thuy.nguyenthithu@hust.edu.vn

** **Hoàng Đức Thân**, Giáo sư, tiến sỹ

- Tổ chức tác giả công tác: Viện Thương mại và Kinh tế quốc tế, Đại học Kinh tế Quốc dân

- Lĩnh vực nghiên cứu chính: Kinh tế thương mại

- Địa chỉ liên hệ: Địa chỉ Email: hoangducthan@neu.edu.vn